

Hoàng Hóa, ngày 11 tháng 8 năm 2022

Số: 236/2022/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 92/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn S, xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn M, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn S, xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng N

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Nguyên A – Giám đốc Ngân hàng N – Chi Nhánh huyện H – Bắc Thanh Hóa

Địa chỉ: Phố S, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 217 và Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24; điểm a, d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Lê Thị H, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn S, xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Ông Nguyễn Tuấn M, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn S, xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về con chung:** Công nhận các cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 12/01/2012 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 12/10/2017 là con chung của bà Lê Thị H và ông Nguyễn Tuấn M.

Bà H, ông M thoả thuận: Bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu Nguyễn Phương A và Nguyễn Minh T, ông M không phải cấp dưỡng nuôi con cùng bà H.

Sau khi ly hôn ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Ông M không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà H.

*** Về tài sản:**

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Tuấn M thống nhất có tài sản chung gồm:

Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 04 tờ bản đồ số 13 (E_48_08_237_b) bản đồ địa chính xã Ph lập năm 1996 tương ứng thửa đất số 100, tờ bản đồ số 41 Bản đồ địa chính xã Ph đo vẽ năm 2014, diện tích 125,0m², tại Thôn X, xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BX 736275 ngày 12/01/2015;

Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 2 (193596-5-c) bản đồ địa chính xã Ph đo vẽ năm 2014, diện tích 200m², tại Thôn X, xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CK 136464 ngày 05/10/2017;

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 269 tờ bản đồ số 38 (193596-6-b) bản đồ địa chính xã Ph đo vẽ năm 2014, diện tích 115,9m², tại Thôn S, xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, trên đất có ngôi nhà 3 tầng, diện tích xây dựng 69,4m², diện tích sàn 208,2m², xây dựng năm 2016, đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CI 539530 ngày 12/6/2017;

Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 298, tờ bản đồ số 40 (193596-4-b) bản đồ địa chính xã Ph đo vẽ năm 2014, diện tích 125,0m², tại Thôn S, xã Ph, huyện H, tỉnh

Thanh Hóa đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CR 167675 ngày 12/04/2019.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng giữa bà Lê Thị H và ông Nguyễn Tuấn M như sau:

- Chia cho ông Nguyễn Tuấn M:

+ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 04 tờ bản đồ số 13 (E_48_08_237_b) bản đồ địa chính xã Ph lập năm 1996 tương ứng thửa đất số 100, tờ bản đồ số 41 Bản đồ địa chính xã Ph đo vẽ năm 2014, diện tích 125,0m², tại Thôn X, xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa;

+ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 63, tờ bản đồ số 2 (193596-5-c) bản đồ địa chính xã Ph đo vẽ năm 2014, diện tích 200m², tại Thôn X, xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa;

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 269 tờ bản đồ số 38 (193596-6-b) bản đồ địa chính xã Ph đo vẽ năm 2014, diện tích 115,9m², tại Thôn S, xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; tài sản trên đất là ngôi nhà 3 tầng, diện tích xây dựng 69,4m², diện tích sàn 208,2m², xây dựng năm 2016.

- Chia cho bà Lê Thị H: Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 40 (193596-4-b) bản đồ địa chính xã Ph đo vẽ năm 2014, diện tích 125,0m², tại Thôn S, xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

*** Về công nợ:**

Các đương sự thống nhất:

Theo hợp đồng tín dụng số 3518LAV202100617/HĐTD ngày 15/01/2021, tạm tính đến ngày 03/8/2022, ông Nguyễn Tuấn M và bà Lê Thị H còn nợ chung của Ngân hàng N số tiền 270.162.734 đồng (bao gồm 270.000.000 đồng tiền gốc và 162.734 đồng tiền lãi).

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giải quyết công nợ giữa các đương sự bà Lê Thị H, ông Nguyễn Tuấn M, Ngân hàng N như sau:

Ông M có trách nhiệm tiếp tục trả toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng N – Chi Nhánh huyện H – Bắc Thanh Hóa toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 03/8/2022 là 270.162.734 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu một trăm sáu hai nghìn bảy trăm ba tư nghìn đồng). Thời gian và phương thức trả nợ được thực hiện như đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 3518LAV202100617/HĐTD ngày 15/01/2021. Quá trình ông M thực hiện việc trả nợ, nếu ông M vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào thì phía Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự thi hành, thu hồi toàn bộ khoản nợ còn lại cho Ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra ông M còn tự nguyện có trách nhiệm trả nợ các khoản vay nợ do ông M đứng ra vay nợ riêng của các cá nhân mà bà H không được biết.

- **Về án phí:** Bà Lê Thị H tự nguyện chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn bà H đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: AA/2021/0010761 ngày 05/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Do trước khi khởi kiện ra Tòa án, các đương sự đã tự thỏa thuận thống nhất với nhau về chia tài sản chung, giải quyết công nợ chung và đề nghị Tòa án ghi nhận nên các đương sự không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung và giải quyết công nợ chung.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Hoằng Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;
- UBND xã Ph;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Ngọc Vân